

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2024
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lil và bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1/. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Bửu Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

2/. **Bị đơn:** Ông Mai Văn C, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp Bửu Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

(bà Nh có đơn vắng mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, bà Lê Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông anh Mai Văn C chung sống với nhau vào năm 1984, hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông C thường xuyên chửi và xúc phạm bà nhiều lần, nhưng vì các con nên bà sống chịu đựng cho đến nay, ông C không sửa đổi và ngày càng quá đáng hơn nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng không Còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay không Còn quan tâm nhau cũng không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay bà xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau bà yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn C.

Về con chung: Bà Nh xác định ông bà có 03 người con chung tên Mai Hằng N, sinh năm 1985; Mai Diễm M, sinh năm 1986; Mai Thanh Tr, sinh năm 1991. Hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh xác định ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

Đối với ông Mai Văn C: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông C vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không Có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông C theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nh và ông C chung sống với nhau vào năm 1984, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương

nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế. Bà Nh và ông C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1984 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế. Hiện nay ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà Nh yêu cầu ly hôn với ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nh được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Nh xác định ông bà có 03 người con chung tên Mai Hằng N, sinh năm 1985; Mai Diễm M, sinh năm 1986; Mai Thanh Tr, sinh năm 1991. Hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh xác định ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân gia đình bà Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông Mai Văn C. Ông C có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà Nh có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không Có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa bà Nh và ông C chung sống với nhau vào năm 1984, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế. Bà Nh và ông C xác lập quan hệ hôn

nhân vào năm 1984 nên hôn nhân giữa bà Nh và ông C là hôn nhân thực tế. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông C xúc phạm bà nhiều lần, hiện nay ông bà đã sống ly thân không Còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án có triệu tập ông C đến hòa giải nhưng ông C không đến nên không tiến hành hòa giải được. Nay bà Nh cương quyết yêu cầu ly hôn với ông C. Điều đó cho thấy cuộc sống gia đình giữa bà Nh và ông C không hạnh phúc, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh đối với ông C là hoàn toàn phù hợp.

Về con chung: Bà Nh xác định ông bà có 03 người con chung tên Mai Hằng N, sinh năm 1985; Mai Diễm M, sinh năm 1986; Mai Thanh Tr, sinh năm 1991. Hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Nh; Xử cho bà Lê Thị Nh được ly hôn với ông Mai Văn C.

2/. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không Có

4/. Về án phí: Bà Lê Thị Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009965 ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu ;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS Huyện Đ H;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích

